

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,5 ha) phục vụ thi công dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài tại mỏ 121, xã Cát Thành, huyện Phù Cát của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2857/STNMT-CCBVMT ngày 16/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,5 ha) tại mỏ 121, xã Cát Thành, huyện Phù Cát của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thành Tài;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,5 ha) phục vụ thi công dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài tại mỏ 121, xã Cát Thành, huyện Phù Cát đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 23/TTA ngày 20/9/2024 của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thành Tài;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1388/TTr-STNMT ngày 24/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,5 ha) phục vụ thi công dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thành Tài (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ 121, xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- Chủ dự án;
- Quỹ BVMT;
- UBND huyện Phù Cát;
- CVP UBND tỉnh;
- UBND xã Cát Thành;
- Lưu: VT, K4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 3,5 HA) PHỤC
VỤ THI CÔNG DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT Ở, DỊCH VỤ
THƯƠNG MẠI TẠI KM0+280, ĐƯỜNG TRỰC KHU KINH TẾ NỐI DÀI
TẠI MỎ 121, XÃ CÁT THÀNH, HUYỆN PHÙ CÁT
CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP THÀNH TÀI**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Bình Định.)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,5 ha) phục vụ thi công dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trực Khu kinh tế nối dài.

- Địa điểm thực hiện: tại mỏ 121, xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thành Tài.

- Địa chỉ liên hệ: số 32 Nơ Trang Long, Phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0935 356 889.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 3,5 ha.

- Thời hạn khai thác: 2 tháng (từ ngày 1/10 đến ngày 30/11/2024), khai thác theo tiến độ thi công dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trực Khu kinh tế nối dài.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng được phép khai thác theo Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 18/07/2024 của UBND tỉnh Bình Định là 143.498 m³.

- Công suất khai thác: 103.582 m³ đất địa chất/02 tháng (phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km 0+280, đường trực Khu Kinh tế nối dài).

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

Mở vỉa đồng thời tại 2 vị trí với vị trí số 1 tại cao độ +85m phía Tây khu mỏ và vị trí số 2 tại cao độ +60m phía Nam khu mỏ theo hướng khai thác từ trên

xuống dưới; thực hiện phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) theo trình tự cuốn chiếu sau khi kết thúc khai thác. Chiều sâu huy động thiết kế 4,63 m (trong đó, chiều sâu huy động khai thác trung bình 4,03 m, chiều sâu lớp đất để lại trồng cây 0,6 m), cao độ kết thúc khai thác thấp nhất +20m. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,6 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài 1.347 m, mương thu nước dọc hai bên 02 tuyến đường mở mỏ có tổng chiều dài 688 m, 02 mương thoát nước từ hồ giảm tốc số 1 và số 2 ra khe, rãnh thoát nước hiện trạng có tổng chiều dài 220m; 03 hồ giảm tốc (phía Đông Bắc, phía Đông và phía Đông Nam mỏ).

- Tuyến đường giao thông:

+ 02 tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) có tổng chiều dài khoảng 344 m.

- Khu vực sân công nghiệp phía Đông Bắc dự án (nằm trong khu vực mỏ): nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe tổng diện tích khoảng 1.000 m².

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,8 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 11.331,36 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận

nước mưa chảy tràn là 10,0ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 36 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nặng.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong thời gian hoạt động dự án (02 tháng): bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 0,5 kg; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 03 kg.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh trong thời gian hoạt động dự án (02 tháng): giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 0,5kg.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, nguy cơ sa bồi xuống khu vực hạ lưu, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực sân công nghiệp.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ khoảng 1.347m (kích thước: đáy lớn 1,9m x đáy nhỏ 1,5m x cao 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc hai bên 02 tuyến đường mở mỏ có tổng chiều dài 688m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,4 m x sâu 0,5 m); 02 mương thoát nước từ hố giảm tốc số 1 và số 2 ra khe, rãnh thoát nước hiện trạng có tổng chiều dài 220m (kích thước: đáy lớn 1,9m x đáy nhỏ 1,5m x cao 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hờ, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Đông Bắc mỏ (tọa độ: 1.557.718; 599.313), thể tích khoảng 600m³ (diện tích 200m², sâu 3m); hố giảm tốc số 2 phía Đông mỏ (tọa độ: 1.557.300; 599.230), thể tích khoảng 360m³ (diện tích 120 m², sâu 3m) và hố giảm tốc số 3 phía Đông Nam mỏ (tọa độ: 1.557.134; 599.331), thể tích khoảng 420m³ (diện tích 140 m², sâu 3m). Kết cấu các hố giảm tốc được chia làm 02 ngăn,

gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc, Tây Bắc mỏ và nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ số 1 → mương thu gom xung quanh phía Bắc, Tây Bắc mỏ → hố giảm tốc số 1 phía Đông Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước số 1 → khe, rãnh thoát nước hiện trạng số 1 → mương thoát nước hiện trạng phía Đông Nam mỏ, sau đó theo hướng thoát hiện trạng chảy về suối nhà Thờ phía Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây mỏ → mương thu gom xung quanh phía Tây mỏ → hố giảm tốc số 2 phía Đông (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước số 2 → khe, rãnh thoát nước hiện trạng số 2 → mương thoát nước hiện trạng phía Đông Nam mỏ, sau đó theo hướng thoát hiện trạng chảy về suối nhà Thờ phía Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam, Tây Nam mỏ và nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ số 2 → mương thu gom xung quanh phía Nam, Tây Nam mỏ → hố giảm tốc số 3 phía Đông Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe, rãnh thoát nước hiện trạng số 3 → mương thoát nước hiện trạng phía Đông Nam mỏ, sau đó theo hướng thoát hiện trạng chảy về suối nhà Thờ phía Bắc mỏ.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước tuyến đường vận chuyển đất từ khu vực mỏ đến công trình (tại các vị trí qua khu dân cư, các công trình xây dựng,...) và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở, không để rơi vãi khi vận chuyển.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu vực đường đất.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực sân công nghiệp để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

Kết thúc dự án, thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường trên toàn bộ diện tích 3,5 ha với các nội dung công việc cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	6	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ (đất, đá)	m ³	8.757,19	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoát dần từ Tây sang Đông thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
3.	San gạt tuyến đường vận chuyển	m ³	1.615,35	Tạo bề mặt bằng phẳng, trả lại hiện trạng	Sau khi kết thúc khai thác
4.	San lấp hệ thống mương thu nước, mương thoát nước và hố giảm tốc	m ³	4.751,01		Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
5.	Di chuyển nhà vệ sinh di động	Cái	1	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác
6.	Tháo dỡ cống tròn	Cái	6		Sau khi kết thúc khai thác
7.	Trồng rừng keo lai hoặc bạch đàn phủ xanh khu vực mỏ	ha	3,5	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác
8.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	3,5	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **1.141.124.000 đồng**
(Một tỷ một trăm bốn mươi một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 01 lần; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Thường xuyên nạo vét, gia cố hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu xảy ra hiện tượng sa bồi ảnh hưởng diện tích đất trồng sản xuất phía hạ lưu, Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không